

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH BẮC NINH GIAI ĐOẠN 2005 – 2012

NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG*

TÓM TẮT

Với những lợi thế so sánh, tỉnh Bắc Ninh đã có 10/15 khu công nghiệp (KCN) đã và đang đi vào hoạt động. Các KCN đã tạo ra sức hấp dẫn với nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), đồng thời cũng tạo ra một khối lượng lớn việc làm cho lao động trong và ngoài tỉnh. Giá trị sản xuất chiếm tỉ trọng ngày càng cao trong sản xuất công nghiệp và làm tăng trị giá tổng kim ngạch xuất nhập khẩu (XNK) của Bắc Ninh. Tuy nhiên, các KCN đang phải đối mặt với nhiều khó khăn cần giải quyết. Bài viết tìm hiểu những nhân tố tác động đến sự hình thành và phát triển KCN và tình hình hoạt động của các KCN tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2005 - 2012.

Từ khóa: khu công nghiệp, Bắc Ninh, hoạt động khu công nghiệp, công nghiệp.

ABSTRACT

Activities of the industrial zones in Bac Ninh province during the period of 2005-2012

With its comparative advantages, Bac Ninh have had 10 over 15 industrial zones in operation. The industrial zones have attracted great foreign direct investment (FDI), as well as created a huge amount of jobs for people in and outside the province. The production value accounts for higher and higher portion in agriculture production, thus increasing the value of total exports and imports of Bac Ninh. However, the industrial zones are facing some urgent challenges. The article identifies factors affecting the establishment and development of industrial zones as well as their activities in Bac Ninh during the period of 2005-2012.

Keywords: industrial park, Bac Ninh, active of industrial park, industry.

1. Đặt vấn đề

Để thực hiện thành công việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa với mục tiêu đưa Bắc Ninh trở thành tỉnh công nghiệp vào năm 2015. Trong giai đoạn vừa qua tỉnh đã có nhiều chính sách ưu tiên tập trung cho phát triển công nghiệp, đặc biệt là sự hình thành và phát triển KCN tập trung. Nhờ sự hoạt động mạnh mẽ và có hiệu quả việc sản xuất và kinh doanh của các KCN đã tạo nên thành tựu

đáng kể: giá trị sản xuất công nghiệp đứng thứ 6 cả nước và thứ 2 trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, nằm trong top 10 tỉnh - thành phố có sức thu hút đầu tư công nghiệp lớn của cả nước. Tỉ trọng công nghiệp chiếm 72,3% GDP của tỉnh [6]. Tuy nhiên, sự hình thành và phát triển KCN vẫn còn nhiều bất cập, tác động không tốt đến đời sống kinh tế - xã hội toàn tỉnh. Bài báo này tập trung phân tích các điều kiện tác động đến sự hình thành và phát triển KCN, cũng như tình

* ThS, Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh; Email: huyentrangnguyen81@gmail.com

hình hoạt động các KCN tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2005 - 2012.

2. Nội dung nghiên cứu

Sau 15 năm quy hoạch và xây dựng (1997 – 2012), tính đến nay toàn tỉnh có 15 KCN được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thành lập với tổng diện tích 6.847ha, trong đó có 10 KCN đang được triển khai, hoàn thiện và đi vào hoạt động. Các KCN đã có những đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. [1]

2.1. Những nhân tố tác động đến sự hình thành và phát triển khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh

2.1.1. Vị trí địa lý, phạm vi lãnh thổ

Bắc Ninh có hệ tọa độ địa lý từ 20⁰58'B đến 21⁰16'B và từ 105⁰54'Đ đến 106⁰18'Đ. Phía Tây và Tây Nam giáp thủ đô Hà Nội, phía Bắc giáp tỉnh Bắc Giang, phía Đông và Đông Nam giáp tỉnh Hải Dương, phía Nam giáp tỉnh Hưng Yên. Bắc Ninh là tỉnh có diện tích nhỏ nhất cả nước (822,7 km²) thuộc vùng đồng bằng sông Hồng và nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. [5]

Bắc Ninh cách trung tâm Hà Nội 30km, cách cảng hàng không quốc tế Nội Bài 20km, cách cảng biển tổng hợp Hải Phòng 100km, cảng biển nước sâu Cái Lân 110km, cách khu kinh tế cửa khẩu Lạng Sơn hơn 115km, khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái 170km. Bắc Ninh nằm trên những tuyến giao thông huyết mạch nối liền các trung tâm kinh tế – văn hóa – chính trị lớn của cả nước và nối liền Việt Nam – Trung Quốc.

Trong quy hoạch xây dựng, tỉnh thuộc vùng đô thị Thủ đô. Bắc Ninh là

cửa ngõ phía Đông Bắc của Hà Nội. Đây là cơ hội lớn để thu hút các nhà đầu tư đến các KCN ở Bắc Ninh. Ngoài ra, Bắc Ninh còn nằm trên 2 hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh.

Với những đặc điểm về vị trí địa lý tự nhiên, kinh tế, giao thông và chính trị như vậy đã tạo nên một lợi thế so sánh để Bắc Ninh thu hút vốn đầu tư, đặc biệt là đầu tư nước ngoài cho phát triển công nghiệp nói riêng và kinh tế nói chung, tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi, giao lưu hàng hóa và mở rộng thị trường...

2.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

a. Dân cư và nguồn lao động

Dân số Bắc Ninh năm 2012 có 1.079,9 nghìn người, đứng thứ 7 vùng đồng bằng sông Hồng và thứ 6 vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Dân số phân bố khá đồng đều, với mật độ trung bình toàn tỉnh là 1313 người/km², trong đó có một số khu vực có mật độ cao như thành phố Bắc Ninh (2156 người/km²), thị xã Từ Sơn (2481 người/km²) và một vài huyện phía Bắc sông Đuống (Tiên Du, Yên Phong). Tỷ lệ gia tăng dân số của tỉnh ở mức trung bình 1,5% (năm 2012). [3], [8]

Người Bắc Ninh cần cù, chịu khó, thông minh với nhiều nghề thủ công truyền thống. Ở Bắc Ninh có trên 60 làng nghề thủ công truyền thống với các nghề nổi tiếng cả nước như: gỗ mỹ nghệ Đông Kỵ, giấy Phong Khê, đúc đồng Đại Bái, sắt Đa Hội... Bắc Ninh còn được biết đến là vùng đất có truyền thống khoa bảng và trình độ dân trí cao, với tỉ lệ đỗ tốt nghiệp

trung học phổ thông và đỗ các trường cao đẳng, đại học cao.

Nguồn lao động của Bắc Ninh đông và trẻ, năm 2012 có 618,9 nghìn người, chiếm 56,9% dân số toàn tỉnh, trong đó độ tuổi từ 18-27 chiếm 70% nguồn lao động. Lao động đã qua đào tạo hiện nay đạt 33,5% tăng 1,5 lần so với năm 2005. Lao động có nhiều kinh nghiệm sản xuất nghề thủ công nghiệp, nhanh nắm bắt và tiếp thu khoa học tiến bộ kỹ thuật. Lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế là 609,3 nghìn người, trong đó khu vực nông - lâm - thủy sản chiếm 35,4%, công nghiệp - xây dựng 42,0% (riêng công nghiệp là 24,8%), dịch vụ 22,6%. [3]

Dân cư và nguồn lao động dồi dào là nguồn cung cấp lao động cho các ngành kinh tế, đặc biệt là công nghiệp trong đó có các KCN. Dân số đông là thị trường nội địa rộng lớn để tiêu thụ hàng hóa của các KCN. Tuy nhiên, tỉnh vẫn còn thiếu đội ngũ cán bộ công nhân kỹ thuật cao, có tay nghề giỏi đối với ngành công nghiệp có hàm lượng kỹ thuật cao (điện tử, tin học, chế tạo máy chính xác...), lao động chưa thích nghi nhanh với những biến động thị trường. Để đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu lao động của các KCN, tỉnh cần đầu tư nhiều hơn cho đào tạo nâng cao chất lượng, tay nghề lao động tại chỗ và có những kế hoạch hỗ trợ cụ thể hơn đối với các doanh nghiệp để thu hút lao động có chất lượng cao ngoài tỉnh đến các KCN.

b. Hệ thống cơ sở hạ tầng

Hệ thống cơ sở hạ tầng góp phần quan trọng cho sự hoạt động của KCN. Bắc Ninh đã không ngừng tăng cường

đầu tư và hiện đại hóa cơ sở hạ tầng.

Mạng lưới giao thông rất phát triển với các loại hình giao thông như đường ô tô, đường sắt và đường thủy nội địa. Hệ thống đường quốc lộ và tỉnh lộ được đầu tư nâng cấp, mở rộng và xây mới. Các quốc lộ 1A, 1B, 18 đã trở thành cầu nối Bắc Ninh với các tỉnh biên giới vùng Trung du và miền núi phía Bắc (Lạng Sơn, Quảng Ninh), xa hơn là với khu vực Đông Nam Trung Quốc, và với các trung tâm kinh tế - văn hóa - chính trị lớn của Đồng bằng sông Hồng (Hà Nội, Hải Phòng). Tuyến đường sắt Hà Nội - Đồng Đăng (Lạng Sơn) với chiều dài hơn 20km, qua 4 ga Từ Sơn, Lim, Bắc Ninh và Thị Cầu đóng vai trò quan trọng trong việc chuyên chở hàng hóa cho các KCN. Tuyến đường thủy trên sông Đuống, sông Cầu và sông Thái Bình với cảng Đáp Cầu phục vụ nhà máy kính Đáp Cầu, nhà máy kính nổi Việt Nhật và các doanh nghiệp tại KCN Quế Võ, cảng Phả Lại chuyên chở nguyên vật liệu cho một số nhà máy, xí nghiệp tại KCN Quế Võ III.

Hệ thống thông tin liên lạc khá phát triển, được đầu tư nâng cấp và hiện đại hóa đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và là công cụ hữu ích của các KCN.

Hệ thống điện, nước cung cấp cho các KCN khá đầy đủ và hoàn thiện. Với hệ thống đường điện cao áp, trạm trung gian, trạm phụ tải và trạm biến áp tại mỗi KCN đã tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất tại các KCN. Hệ thống cung cấp nước và xử lý nước thải ở các KCN được chú trọng đầu tư, nâng cấp, đáp ứng ngày càng tốt hơn cho quá trình sản xuất công

ng nghiệp và bảo vệ môi trường.

c. Chủ trương, chính sách của tỉnh về phát triển công nghiệp và KCN

Từ khi tái lập (năm 1997), tỉnh đã có nhiều chính sách và chủ trương nhằm thúc đẩy công nghiệp phát triển, thực hiện thành công quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa, đưa Bắc Ninh trở thành tỉnh công nghiệp vào năm 2015.

Bắc Ninh đã xác định rõ nhiệm vụ trong từng giai đoạn về phát triển công nghiệp trong đó có việc hình thành và phát triển KCN tại các văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ 16, 17, 18. Đến nay, đã có một hệ thống các chính sách, chủ trương tương đối hoàn thiện và đầy đủ cho sự phát triển công nghiệp và KCN:

- Nghị quyết số 12-NQ/TU về xây dựng và phát triển các khu, cụm công nghiệp tỉnh Bắc Ninh.

- Quyết định số 23/2012/QĐ – UBND ngày 11-5-2012 về việc phê duyệt Đề án xác định một số chỉ tiêu chủ yếu và giải pháp thực hiện mục tiêu xây dựng Bắc Ninh cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2015.

- Quy hoạch phát triển các khu, cụm công nghiệp tỉnh Bắc Ninh đến năm 2015.

- Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2011- 2020, tầm nhìn 2030.

- Quy hoạch phát triển công nghiệp tuyến hành lang kinh tế Lạng Sơn – Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn 2030.

Đây là những điều kiện quan trọng,

ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển công nghiệp nói chung và KCN nói riêng, ngoài ra còn có nhiều chính sách hỗ trợ về đầu tư, chính sách cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao chỉ số cạnh tranh, chính sách về tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, chính sách về thị trường, về khoa học công nghệ, về nguồn nhân lực... cũng góp phần thúc đẩy nhanh hơn và khả thi hơn cho sự phát triển KCN.

d. Vốn đầu tư

Vốn đầu tư là nhân tố quan trọng tác động đến sự hình thành và phát triển kinh tế tỉnh nói chung và các KCN nói riêng. Số vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh tăng nhanh, năm 2012 tăng 6,3 lần (tăng 24.889,2 tỉ đồng) so với năm 2005 (xem bảng 1). Trong đó, vốn đầu tư nước ngoài ngày càng chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu vốn đầu tư, năm 2005 chỉ chiếm 9,6% nhưng đến năm 2012 đã tăng lên 51%. Sức thu hút vốn đầu tư nước ngoài ngày càng tăng (bất chấp cuộc đại suy thoái kinh tế thế giới), do lợi thế về vị trí địa lý đã tạo nên địa tô chênh lệch (giá thuê đất rẻ) và sức lan tỏa thành công các dự án lớn (dự án Samsung Electronics VietNam tại KCN Yên Phong và dự án Canon tại KCN Quế Võ) tại một số KCN. Có nhiều tập đoàn xuyên quốc gia đầu tư vào Bắc Ninh như Samsung, Canon, ABB, Mapletree... Nguồn vốn đầu tư nước ngoài phần lớn tập trung vào các KCN, trong năm 2012 đã thu hút được 41/57 dự án với số vốn đăng kí là 1157,9 triệu USD, chiếm 97% tổng số vốn FDI toàn tỉnh. [9]

Bảng 1. *Vốn đầu tư trên địa bàn Bắc Ninh giai đoạn 2005 – 2012*

Chỉ tiêu	2005	2010	2012
Tổng số (Tỉ đồng, giá hiện hành)	4597,3	21.388,6	29.486,5
- Theo nguồn vốn (%):	100	100	100
+ Khu vực Nhà nước	21,0	11,2	6,7
+ Khu vực ngoài Nhà nước	69,4	60,0	42,5
+ Khu vực vốn đầu tư nước ngoài	9,6	28,8	51,0
- Theo cơ cấu ngành kinh tế (%):	100	100	100
+ Nông - lâm - thủy sản	2,4	1,9	1,7
+ Công nghiệp - Xây dựng	37,2	46,9	50,4
+ Dịch vụ	60,4	51,2	47,9

Nguồn: [3], [9]

Vốn đầu tư khu vực ngoài Nhà nước luôn có tỉ trọng cao nhưng xu hướng giảm, năm 2005 là 69,4%, nhưng đến năm 2012 giảm còn 42,5%. Đây là khu vực có sự tham gia của nhiều doanh nghiệp trong nước nhưng có xu hướng giảm do ảnh hưởng cuộc suy thoái kinh tế thế giới (năm 2008), Điều này làm cho việc huy động vốn để mở rộng sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp gặp khó khăn. Vốn đầu tư khu vực Nhà nước luôn có tỉ trọng nhỏ và có xu hướng giảm nhanh. Năm 2012 chỉ còn 6,7%, giảm gần 3 lần so với năm 2005 chủ yếu là do quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp Nhà nước đã làm ảnh hưởng đến vốn đầu tư của khu vực này.

Vốn đầu tư tập trung cao vào ngành công nghiệp - xây dựng và có xu hướng tăng tỉ trọng, đây sẽ là điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng sản xuất, nâng cao chất

lượng sản phẩm, tăng hàm lượng khoa học - kĩ thuật trong sản phẩm sản xuất ra.

Bên cạnh những điều kiện đã phân tích, sự hình thành và phát triển KCN còn chịu tác động của các nhân tố khác như thị trường, cơ sở vật chất kĩ thuật...

2.2. Hoạt động của các KCN

Tính đến hết năm 2012, Bắc Ninh đã có 15 KCN được Thủ tướng chính phủ phê duyệt với tổng diện tích 6847ha và tổng vốn đầu tư là 860,33 triệu USD. Trong đó có 10 KCN đang triển khai xây dựng và đi vào hoạt động với vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng là 516,37 triệu USD. Các KCN đã được triển khai đồng bộ với đầy đủ văn bản pháp lí về việc thành lập và hoạt động. Các thủ tục theo phân cấp và ủy quyền được giải quyết tại ban quản lí các KCN Bắc Ninh rất nhanh chóng và hiệu quả, góp phần nâng cao chỉ số cạnh tranh của tỉnh (xem bảng 2). [6]

Bảng 2. Các khu công nghiệp Bắc Ninh tính đến hết năm 2012

TT	Tên KCN	Cơ cấu ngành sản xuất	Vốn đầu tư đăng kí (tỉ đồng)	Diện tích theo quy hoạch (ha)
Các KCN đã và đang hoạt động				
1	<i>Tiên Sơn</i>	Điện, điện tử, lắp ráp kỹ thuật cao	834,3	449
2	<i>Đại Đồng – Hoàn Sơn</i>	Điện, điện tử, lắp ráp kỹ thuật cao, chế biến thực phẩm	1.039,4	530
3	<i>Yên Phong I</i>	Điện tử, các ngành công nghiệp phụ trợ phục vụ cho sản xuất điện tử, sản phẩm công nghệ cao	989,7	655
4	<i>VSIP - Bắc Ninh</i>	Điện, điện tử, lắp ráp cơ khí kỹ thuật cao, chế biến thực phẩm	1.680	500
5	<i>Quế Võ</i>	Điện, điện tử, lắp ráp kỹ thuật cao	1.114,3	611
6	<i>Quế Võ II</i>	Điện, điện tử, lắp ráp kỹ thuật cao, chế biến thực phẩm, chế biến hàng tiêu dùng, vật liệu xây dựng	490,2	270
7	<i>Thuận Thành III</i>	Công nghiệp hỗ trợ cho nông nghiệp phát triển	1.357,3	300
8	<i>Hanaka</i>	Điều chỉnh phát triển đô thị	405,59	74
9	<i>Nam Sơn - Hạp Lĩnh</i>	Điều chỉnh phát triển đô thị	1.763,4 (phân khu A)	800
Các KCN đang triển khai xây dựng				
10	<i>Yên Phong II</i>	Điện, điện tử, lắp ráp điện tử hoàn chỉnh, thiết bị viễn thông	1.617,1	1.200
11	<i>Thuận Thành II</i>	Sản xuất, lắp ráp điện tử kỹ thuật cao, chế biến thực phẩm	1.280	250
12	<i>Gia Bình</i>	Sản xuất, lắp ráp điện tử kỹ thuật cao, chế biến thực phẩm, vật liệu xây dựng, may mặc	1.312	300
13	<i>Quế Võ III</i>	Công nghiệp hỗ trợ cho nông nghiệp phát triển	1.167,2	300
Các KCN chưa triển khai xây dựng				
14	<i>Đại Kim</i>	Điều chỉnh phát triển đô thị		742
15	<i>Từ Sơn</i>	Điều chỉnh phát triển đô thị		303

Nguồn: [6]

Các KCN có sức thu hút vốn đầu tư rất lớn. Giai đoạn 1997 - 2012, Bắc Ninh thu hút 640 dự án đầu tư trong nước và 343 dự án đầu tư nước ngoài, với tổng vốn đăng kí là 75.433 tỉ đồng và 4,8 tỉ

USD. Trong đó 56% số dự án vào các KCN, riêng khu vực FDI là 79% số dự án. Hàn Quốc và Nhật Bản là hai quốc gia có số lượng dự án cũng như tổng số vốn đầu tư lớn nhất. Hàn Quốc có 127 dự

án chiếm 37% số các dự án, tổng số vốn chiếm hơn 50% tổng số vốn đầu tư trực tiếp vào tỉnh. Nhật Bản có 66 dự án, chiếm 17% tổng số vốn đầu tư trực tiếp, ngoài ra còn có một số quốc gia trong khối ASEAN và Trung Quốc... Các dự án đầu tư chủ yếu trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm 85% dự án và 82% tổng số vốn. Hiện có tới 559 doanh nghiệp đang hoạt động trong các KCN, với tổng số vốn đầu tư 123.340 tỉ đồng. Năm 2012, Bắc Ninh đứng trong top 10 các tỉnh thành phố trong cả nước có sức thu hút đầu tư nước ngoài lớn. Nhiều tập đoàn xuyên quốc gia đã đầu tư vào KCN như Samsung, Canon, ABB, Mapletree... [6]

Các KCN cũng tạo ra một khối lượng lớn việc làm và giải quyết việc làm cho lao động trong và ngoài tỉnh. Trong giai đoạn 2005-2012, lao động làm việc trong các KCN tăng 14,3 lần từ 8168 người lên 117.455 người. Tỷ lệ lao động trong các KCN chiếm tới 19,2% nguồn lao động toàn tỉnh. Tốc độ tăng số lượng

lao động làm việc tại các KCN bình quân giai đoạn này là 40%. Lao động của tỉnh chiếm tỉ trọng cao và có xu hướng giảm, năm 2005 là 54%, đến năm 2012 giảm xuống còn 38%. Tỷ lệ lao động nội tỉnh giảm do mối tương quan với tỷ lệ lao động ngoại tỉnh đang làm việc tại các KCN. Năm 2012 đã có nhiều KCN đi vào hoạt động, nhu cầu về lao động lớn trong khi lao động nội tỉnh không đáp ứng đủ về mặt số lượng nên các doanh nghiệp đã sử dụng lao động từ các tỉnh, vùng lân cận. Lao động có tay nghề và trình độ chuyên môn trong các KCN đã góp phần nâng cao trình độ lao động toàn tỉnh. [2], [6]

Hoạt động sản xuất của các KCN đạt hiệu quả cao. Giá trị sản xuất cũng như giá trị XNK tăng nhanh. Giá trị sản xuất năm 2012 tăng 12,3 lần so với năm 2005, còn giá trị XNK tăng 6,5 lần (xem bảng 3). Các KCN đã góp phần đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa. [6], [8]

Bảng 3. Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất của các KCN tỉnh Bắc Ninh

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2005	2007	2009	2011	2012
1	Giá trị sản xuất công nghiệp (Giá hiện hành)	Tỉ đồng	1800	6625	19.421	142.704	273.065
So với toàn tỉnh		%	13,5	21,9	35,0	58,6	65,4
2	Trị giá XNK	Triệu USD	179	600	1815	12.318	25.820
So với toàn tỉnh		%	46,9	62,3	86,2	85,8	99,4
3	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỉ đồng	51	263	800	2653	3980
So với toàn tỉnh		%	5,4	14,3	21,1	36,8	43,9

Nguồn: [1], [3]

Giá trị sản xuất công nghiệp của các KCN ngày càng đóng vai trò quan trọng trong sản xuất công nghiệp của tỉnh. Năm 2005 chỉ chiếm 13,5% giá trị sản xuất toàn tỉnh, đến năm 2012 đã chiếm tới 65,4%, tăng 51,9% trong vòng 7 năm. Tốc độ tăng trưởng bình quân về giá trị sản xuất của các KCN là 17%. Nguyên nhân của sự tăng nhanh và cao là do các KCN có tỉ lệ lấp đầy lớn, cùng với nhiều dự án đã đi vào sản xuất tạo ra sản phẩm (đặc biệt là khi dự án khu tổ hợp công nghệ Samsung của Công ty TNHH Samsung Electronics Vietnam đi vào hoạt động). Các ngành sản xuất thế mạnh trong các KCN là ngành điện, điện tử, chế biến thực phẩm và lắp ráp kỹ thuật cao. Chính điều này đã hình thành nhóm sản phẩm công nghiệp chủ lực có sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế như: thiết bị điện, điện tử, kính, thức ăn gia súc. Bắc Ninh cũng là tỉnh duy nhất của Việt Nam hình thành và phát triển các khu công nghiệp hỗ trợ.

Phân bố các KCN có sự tương phản rõ nét giữa hai khu vực: Khu vực Bắc sông Đuống (gồm các huyện, thành phố,

thị xã: Bắc Ninh, Yên Phong, Tiên Du, Quế Võ, Từ Sơn) là khu vực có sự phát triển mạnh mẽ về KCN với mật độ khá dày và là những KCN đã và đang hoạt động hiệu quả (Quế Võ, Yên Phong, Tiên Sơn). Còn khu vực Nam sông Đuống (gồm các huyện: Lương Tài, Thuận Thành, Gia Bình) hình thành một số KCN đang trong giai đoạn xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật.

Sản phẩm công nghiệp công nghệ cao tăng lên làm cho thị trường xuất khẩu mở rộng, vươn tới cả những thị trường có sức cạnh tranh lớn như: Nhật Bản, Mĩ, Canada... Năm 2005, trị giá kim ngạch XNK là 257 triệu USD, nhưng đến năm 2012 đã tăng lên 25.985,7 triệu USD, tăng hơn 101 lần. Đây là mức tăng cao nhất trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Hàng hóa sản xuất ở các KCN chiếm 99,4% (năm 2012) hàng công nghiệp xuất khẩu của toàn tỉnh. Bắc Ninh cũng là tỉnh có trị giá kim ngạch XNK lớn thứ hai trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Thông qua hoạt động XNK, các KCN đã giúp Bắc Ninh mở rộng quan hệ quốc tế, đưa nền kinh tế của tỉnh hội nhập nền kinh tế thế giới. [2], [10]

Bảng 4. Một số chỉ tiêu về công nghiệp tỉnh Bắc Ninh và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ giai đoạn 2005 – 2012

Tỉnh, thành phố	Giá trị sản xuất (Tỉ đồng, giá hiện hành)		Tỉ trọng công nghiệp/GDP (%)		Tỉ giá kim ngạch XNK (triệu USD)	
	2005	2012	2005	2012	2005	2012
Bắc Ninh	12.787,9	237.435,2	41,2	72,3	257,0	25.985,7
Hà Nội	89.886,6	400.371,2	30,1	30,7	13.690,0	34.448,0
Quảng Ninh	20.989,0	127.870,3	47,2	46,1	1203,0	4468,0
Vĩnh Phúc	21.187,9	120.792,1	53,1	54,2	238,7	2551,1
Hải Phòng	25.231,3	103.915,9	29,2	29,6	1757,5	5328,6
Hải Dương	11.700,0	90.194,3	37,9	35,8	401,9	3255,9
Hưng Yên	13.443,4	74.055,4	31,7	41,0	577,0	2955,1

Nguồn: [3], [10]

Các KCN đã thúc đẩy công nghiệp tỉnh phát triển mạnh mẽ, tỉ trọng công nghiệp trong cơ cấu GDP tăng nhanh. Năm 2005, công nghiệp chỉ chiếm 41,2% nhưng đến năm 2012 tăng lên 72,3%, trong vòng 7 năm đã tăng lên 30%. Năm 2012, Bắc Ninh trở thành tỉnh đứng đầu trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và đứng thứ 2 cả nước, sau tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (84,3%) về đóng góp công nghiệp vào cơ cấu GDP.

Các KCN còn đóng góp một phần quan trọng vào ngân sách Nhà nước. Năm 2005, các KCN nộp vào ngân sách Nhà nước là 51 tỉ đồng, chỉ chiếm 5,4% nộp ngân sách toàn tỉnh, do là thời gian đầu hoạt động nên vẫn được hưởng ưu đãi (không phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp), nhưng đến năm 2012 đã tăng lên 3980 tỉ đồng, chiếm 43,9% và đưa Bắc Ninh trở thành tỉnh trọng điểm về thu ngân sách Nhà nước.

Trong quá trình phát triển, các KCN cũng bộc lộ nhiều hạn chế và khó khăn cần khắc phục. Tỉ lệ lấp đầy tại một số KCN còn thấp như Quế Võ II (10,9%), Hanaka (19,4%), VISP (52%). Hạn chế thứ hai là vấn đề thiếu lao động khi các doanh nghiệp mở rộng sản xuất và người lao động thiếu hiểu biết về các chính sách

pháp luật. Vấn đề thứ ba là môi trường tại các KCN còn nhiều bất cập, tính đến năm 2012, trong 15 KCN mới chỉ có 6 KCN có công trình xử lí nước thải, 2 KCN đang chuẩn bị xây... Vấn đề thứ tư là khủng hoảng kinh tế toàn cầu ảnh hưởng không nhỏ đến việc duy trì và mở rộng sản xuất của các doanh nghiệp (đặc biệt là doanh nghiệp FDI)...

3. Kết luận

Sự phát triển của các KCN đã làm thay đổi Bắc Ninh từ một tỉnh thuần nông trở thành tỉnh có giá trị sản xuất công nghiệp lớn trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, có tốc độ tăng trưởng công nghiệp đứng đầu trong vùng đồng bằng sông Hồng, nằm trong top 10 tỉnh - thành phố có sức hút vốn đầu tư (đặc biệt là vốn FDI) lớn của Việt Nam, là tỉnh trọng điểm thu ngân sách Nhà nước... Các KCN đã tạo ra một giá trị sản xuất lớn, chiếm tỉ trọng cao trong giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh, đồng thời sản xuất những mặt hàng công nghiệp XNK chủ lực. Các KCN đã góp phần rất lớn vào việc tăng nhanh tỉ trọng ngành công nghiệp trong cơ cấu GDP. Tuy nhiên, thực tế hoạt động của các KCN còn bộc lộ nhiều hạn chế và khó khăn cần khắc phục.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Quản lý khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh (2010, 2012), *Báo cáo tổng kết nhiệm vụ năm 2010 và 2012*.
2. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh (2012), *Quá trình xây dựng và phát triển các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh*.
3. Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh (2009, 2013), *Niên giám thống kê tỉnh Bắc Ninh 2008 và 2012*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
4. Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên) (2005), *Địa lý kinh tế - xã hội đại cương*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
5. Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên) (2009), *Địa lý các vùng kinh tế Việt Nam*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
6. Tỉnh ủy Bắc Ninh (2012), *Báo cáo hiệu quả đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh*.
7. Tỉnh ủy Bắc Ninh (2013), *Nghị quyết Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh*.
8. Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh (2013), *Đề án thu hút đầu tư vào tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2013 - 2020 tầm nhìn 2030*.
9. Văn phòng tỉnh ủy Bắc Ninh (2005, 2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, XVIII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
10. <http://www.gso.gov.vn>

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 23-9-2014; ngày phản biện đánh giá: 03-10-2014;
ngày chấp nhận đăng: 21-01-2015)